Nhắc lại cuộc Nam tiến vĩ đại của dân Việt

Vương Hồng Sển

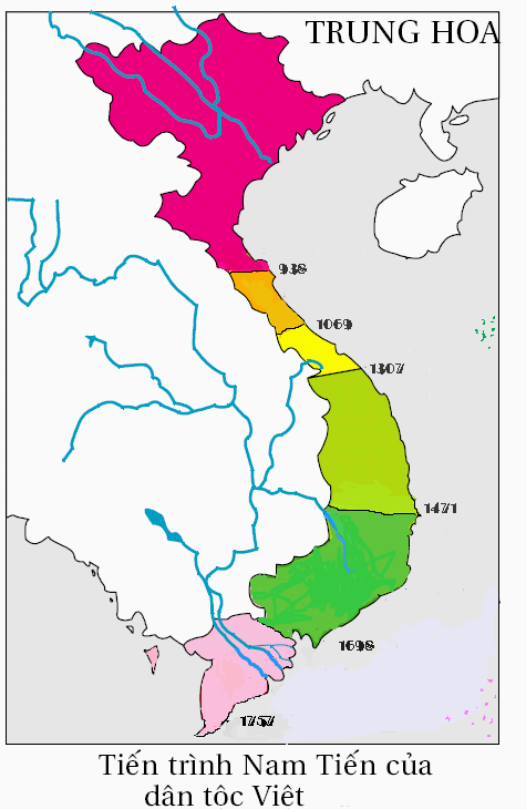

Tiến trình Nam Tiến của dân tộc Việt

Nối dõi tổ tiên, trong cuộc Nam tiến vĩ đại.

Đến bây giờ, còn phân phân bất nhứt: các học giả vẫn bàn cãi không thôi chung quanh hai tiếng "Sài" "Gòn", chẳng biết từ đâu, bởi đâu mà có. Kẻ nói vầy, người nói khác, không ai chịu ai. Tranh luận mãi càng thêm rối trí, không bổ ích vào đâu. Một điều an ủi chung cho hạng gàn như tôi là chính trong tập khảo cứu năm 1885, nhà bác học uyên thâm trong Nam, cụ Trương Vĩnh Ký, cũng tỏ ra bối rối như ai!

Để dọn đường tìm hiểu thêm về nguồn gốc "Sài Gòn" của người Việt, chúng tôi trước tiên, xin tóm tắt cuộc Nam tiến như sau:

Căn cứ theo tài liệu lịch sử để lại, đại cương cuộc Nam tiến không ngừng của dân tộc Việt Nam gồm có những năm nầy, quan trọng nhứt:

- 939, tổ tiên Việt còn ở vùng Thanh Hoá, và nhờ có ông Ngô Quyền, cởi được ách Bắc thuộc, mở đường cho Đinh, Lê, Lý, Trần, về sau được tự chủ ở cõi Nam.
- 1069, xuống đến Quảng Bình, Quảng Trị;

- 1307, nhà Trần gả Huyền Trân Công Chúa cho vua Chàm, mở rộng cõi bờ thêm hai châu Ô Lý (Thừa Thiên);
- 1425, đến Thuận Hoá;
- 1471, đến Quy Nhơn;
- 1611, đến Phú Yên;
- 1653, đến Nha Trang;
- 1658, Cao Miên xin thần phục chúa Nguyễn, nhìn nhận quyền của triều đình Huế;
- 1680, Nguyễn chúa cho bọn tàn binh nhà Minh khai khẩn hoang địa vùng Đồng Nai;
- 1693, đến Phan Thiết;
- 1698, đến Biên Hoà và Gia Định (Sài Gòn);
- 1708, MẠC CỬU dâng Hà Tiên cho chúa Nguyễn, Mạc được phong làm tổng binh đời đời vĩnh trấn Hà Tiên;
- 1755, Cao Miên quốc vương nhượng đất Tân Bôn và Lôi Lạp cho Võ Vương. Trong Nam, ông Nguyễn Cư Trinh với những kế hoạch khẩn hoang, dinh điền ở miền Nam. Vào cuối thế kỷ XVIII, tại Gia Định, Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định, ba người cùng lập thị xã nâng cao đuốc văn hiến một thời:
- 1780, MẠC THIÊN TỨ (con MẠC CỬU) mất, không con nối hậu. Từ đây, đất Hà Tiên sát nhập cơ đồ Nguyễn chúa: cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam, đến đây đã hoàn thành.

Bản đại lược tóm tắt như trên, gọn thì có gọn, nhưng quá vắn tắt nên khó tránh sự tối nghĩa, và kém sáng suốt, nhứt là đối với những người không nằm lòng lịch sử nước nhà.

Về tổ chức đồn điền, xét ra đã có từ đời Hồng Đức (Lê Thánh Tôn), từ ngày vua Lê Lợi đuổi được quân Tàu, thế nước rất mạnh, hiềm vì đất đai chật hẹp không đủ cho dân cày cấy, nên Lê Thánh Tôn thi hành chánh sách bành trướng vào Nam, lập kế đồn điền. Tổ chức nầy có hai phương lợi: một là trấn an biên thuỳ, hai là mở rộng bờ cõi một cách hoà bình. Nhơn thế, một chức quan được đặt ra, gọi quan Thu ngự kinh lược sứ, với nhiệm vụ chiêu tập những lưu dân (gồm những dân tình nguyện, những người phải tội lưu trú ngoài biên cương, hoặc những người bỏ làng để trốn lính và tránh sưu thuế…). Những người ấy được đưa đi khai khẩn đất hoang, và được quan kinh lược giúp đỡ và ủng hộ. Họ lấn sang đất Chiêm Thành rồi sau này đất Thuỷ Chân Lạp và vẫn yên tâm mở rộng khu vực vì sẵn bên có quân đội bảo vệ an ninh.

Sau một hai đời, thì những hạt mới được sung nhập lãnh thổ Việt. Lần lần, những lưu dân miền Bắc, miền Trung, dùng phương pháp “tàm thực” ấy mà mở rộng đất đai bờ cõi Việt từ sông Cả đến tận mũi Cà Mau. Sự bành trướng nầy đến ngày chạm súng với Lang Sa mới ngưng.

Nhơn đây là bài khảo cứu về căn cội đất Sài Gòn, và muốn cho đầy đủ, chúng tôi không sợ lẩn thẩn, mà thuật lại có đầu có đuôi “công cuộc mở mang bờ cõi” của tổ tiên ta trong cuộc Nam tiến, tính ra

kéo dài trên tám trăm năm (từ năm 939 đến năm 1780) mới hoàn thành. Có một khoảng trên dưới một trăm năm, cần phải nhấn mạnh nhứt là khoảng từ năm 1658 đến năm 1759, tức đoạn tổ tiên ta chung đụng với người Cam Bốt, trên cõi Nam nầy. Ngày nay nước Cao Miên và nước Việt Nam là hai người bạn thân, lẽ đáng không nên khơi lại chuyện cũ. Nhưng nghĩ vì đây là lịch sử nên chúng tôi xin hết sức thận trọng, vô tư và khách quan, thuật lại như sau để đánh tan những hiểu lầm.

1. Cõi Nam từ năm 1658 đến năm 1753.

Lúc ấy đã có người Cam Bốt ở trên đất Nam nầy rồi. Nói chính đáng mà nghe, từ Huế, Chúa Hiền Vương đã từng cắt quân đi chinh phục miền Nam. Quân ta cả thắng Chàm và sau những chiến công rực rỡ, dân Việt đã có dịp chen vai thích cánh với người Khơ me, nơi những vùng biên giới cũ Chàm, kể từ năm 1658.

Một điều nên nhớ kỹ, là vào thời buổi ấy, DÂN THƯA ĐẤT RỘNG, DÂN LÀM ĂN KHÔNG HẾT, việc đi khai khẩn đất hoang là thường sự và không hề sanh ra việc gì rắc rối. Tục thường ví "CHIM TRỜI CÁ NƯỚC", ai bắt được nấy nhờ.

Một điều khác cần nói rõ thêm là đất miền Nam của bán đảo Ấn Độ – Chi Na cũng không phải thiệt thọ "phần đất phụ ấm" của Khơ me. Sự thật thì dòng thổ dân tiên chiếm vùng nầy là giống Phù Nam đã bị tiêu diệt từ thế kỷ thứ VII, và có thể người Khơ Me chiếm thay người Phù Nam từ thế kỷ thứ VII, lại mấy có sự đòi hỏi tranh tụng gì? Tha hồ lúc ấy ai khai phá được khoảnh nào thì nấy làm chủ ăn hoa lợi. Và như đã nói "đất ở không hết", tội gì tranh giành cho nhọc lòng lo, cho mệt xác. Sợ nhứt là làm như vậy, chỉ sanh oán thù, ích gì?

Gương xưa tích cũ còn trước mắt sờ sờ:

- Pháp quốc đã giàu mạnh, nhưng còn nhà đất Gia Nã Đại, chẳng qua lúc ấy vừa chê xa xôi, vừa chê ít hoa lợi…
- Trung quốc là nước lớn, thế mà cắt đất Mã Cao để làm nhượng địa cho Bồ Đào Nha, rồi cũng cắt đứt Hương Cảng làm nhượng địa cho Anh Quốc, chung quy cũng vì thời buổi ấy hai chỗ nầy chỉ núi đá trơ trơ, toàn đất hoang vu không sanh hoa lợi, "mất" hay "bỏ" vẫn không tiếc…

Nhắc lại, sau khi nhà Minh bên Trung Quốc bị nhà Mãn Châu thay thế, thì năm 1680, bọn di thần Minh triều như Dương Ngạn Địch, Huỳnh Tấn, Trần Thắng Tài, v.v… tự xưng người "Trường Phát" (tóc dài) không khứng đầu hàng Thanh triều, vì họ ghét tục dân Mãn Châu cạo đầu gióc bín (để đuôi sam như đuôi lừa). Bởi rứa, theo sử chép lại, các tướng ấy dìu dắt độ ba ngàn tinh binh trung thành với cựu trào, lướt sóng trên năm mươi, sáu mươi chiến thuyền vượt trùng dương tìm xuống miền Nam, xin đầu hàng chúa Nguyễn, vì dân Nam cũng để tóc dài và trung thành với đạo Khổng Mạnh như họ.

Đứng trước tình trạng khó xử này, chúa Hiền Vương trong lòng bối rối không vừa, vì kỳ trung chúa chẳng muốn gần gụi đám vong thần bất trị ấy; nhưng với trí tinh khôn có thừa, ngoài mặt chúa giả cách niềm nở tận tình. Chúa bày tiệc khoản đãi quân sĩ nhà Minh rồi "tống khứ" họ xuống miền Đông Phố, cho họ được phép chiếm cứ vùng Đồng Nai thưở đó tuy thuộc lãnh thổ Khơ Me, nhưng Miên Vương tỏ ra không bận tâm nhiều đến vùng hoang địa ranh mức tầm ruồng nầy. Như thế, nhơn một mũi tên, chúa Nguyễn bắn được hai chim; một đàng, được lòng người Tàu vì làm cho họ có chỗ dung thân, đàng khác nhơn cơ hội, mượn tay tha nhơn, mở rộng bờ cõi một cách hoà bình, không tốn hao binh sĩ; thật là ngón ngoại giao sắc cạnh khôn bì.

Nhắc lại, được lịnh Chúa Nguyễn, tướng Dương Ngạn Địch kéo quân xuống chiếm đóng vùng Mỹ Tho trên sông Tiền Giang (Mékong); còn Trần Thắng Tài, Huỳnh Tấn, và Trần An Bình thì đem bổn bộ binh mã đến chiếm cứ vùng Biên Hoà, trên con sông Đồng Nai. Vì không nói được chữ "đ" nên họ vẫn gọi "Đồng Nai" ra "Nồng Nại".

Khi người Khơ Me đụng độ với người Tàu thì đã lấy làm bực mình vì phong tục khác xa, không dè đến khi ăn chung ở lộn với dân "duồng", họ lại càng thêm khó chịu. Họ ngầm ghét đám dân "Đồn điền" mới.

Lần hồi, không cử động binh đao, mà người Cam Bốt (Campuchia) tự rút lui về miền thượng Lục Chân Lạp (Haut Cambodge) bỏ đất hoang Thuỷ Chân Lạp (Basse Cochinchine) cho mặc tình người Trung Quốc và Việt Nam tha hồ khai phá. (Cái nghiệp "hay hờn mát" và "ưa giận quàng xiên" của người Miên đến nay vẫn chưa bỏ. Tỷ dụ như lối năm 1920, dân Miên và dân Việt đua nhau khai thác xin khẩn đất hoang dọc theo kinh xáng mới đào vùng Phước Long và Vĩnh Quới (Rạch Giá) để làm ruộng. Mỗi khi đôi bên không thuận nhau về quyền tiên chủ sở đất nào, thì người Miên thường thách đố người Việt hãy đồng lòng đem sở đất tranh chấp "hiến nạp" ngon lành cho viên chức sở tại, như vậy thì họ sẽ hết giận, báo hại quan thinh không phát tài ngang! Nhưng người Việt đâu chịu làm vậy và thường có cách khéo giải hoà với bạn Miên khỏi "làm giàu vô cớ" cho quan! Duy ngày nay, còn giận ai nữa mà Miên vẫn cất nhà xây mặt tiền vào vườn, ít chịu xây mặt ra đường cái hay ngó ra con sông tấp nập?

Nhắc lại năm Giáp Dần (1674), Chúa Hiền đã tăng sai binh xuống can thiệp vào việc nội bộ nước Miên do Nặc Ông Non cầu cứu dẹp hộ binh Xiêm. Đến khi vua Miên thấy cảnh ở Sài Gòn bị kẹp giữa hai gọng kềm "Chệc", bèn cầu cứu với triều Huế, Chúa Hiền nhân cơ hội ấy để sai nha trảo xuống dàn xếp… Thêm một cơ hội may mắn đến cho triều Huế là vào năm 1688 giữa người Tàu Mỹ Tho và người Tàu Cù Lao Phố sanh ra sự bất hoà lớn. Chúa Hiền khi ấy đã mất, nhưng Ngãi vương nối ngôi không kém sự trí mưu. Huỳnh Tấn giết Dương Ngạn Địch, binh chưa lại nghỉn thì kế bị Chúa Ngãi ra tay trước, giết Huỳnh Tấn, dẹp tan đám giặc khách sót lại ở Mỹ Tho mà làm chủ tình thế hai thị trấn tân tạo Mỹ Tho và Cù Lao Phố (Biên Hoà).

Chúa thừa thắng cho binh tướng kéo rốc lên Cam Bốt tới trước thành Gò Bích, Miên Vương một mặt dẫn phi tần về thành U Đông, mặt khác sai sứ nạp biểu. Chúa Ngãi cho dân, quân về an dinh lập trại Bến Nghé. Công việc ấy gọi là "đồn dinh".

Thuở đó, xứ Cam Bốt có đến hai vua:

- Vua Nhứt, Chánh Vương, ngự tại thành Lo Vek (sách sử Việt âm là "La Bích" hoặc "Gò Bích" (Trương Vĩnh Ký); (trong Việt Nam Sử lược, Trần Trọng Kim, trang 329, ghi "thành Long Úc", phải Lo Vek này chăng?!)
- Vua Nhì, tức Phó Vương, đóng đo tại Prei Norkor, sau này Sài Gòn.

Một nước hai vua, một xứ hai mặt trời, đây là một tình thế lưỡng lập vạn bất đắc dĩ, không bao giờ tồn tại được lâu. Về sau, nếu có xảy ra sự di dân Khmer tự mình bỏ Thuỷ Chân Lạp rút lui về Lục Chân Lạp, âu cũng vì một lẽ Chánh Vương ngầm muốn để còn một vua đặng dứt hậu hoạn về sau, một lẽ nữa, cũng tại lòng dân Miên mà cũng có tay Trời già ở trong.

Prei Norkor vào thời bấy giờ, là một thôn nhỏ trong rừng già dựa kề một đồn kiên cố, dân cư thưa thớt, nhà cửa lèo tèo, cột cây nóc lá, tập trung trên các gò nổng cao ráo, chung quanh là ao sình nước đọng quanh năm, sâu vô trong nữa thì toàn là rừng rú thiên nhiên đã có từ tạo thiên lập địa, không ai khai phá, đầy rẫy muỗi mòng, đỉa vắt và thú dữ: tây, tượng, hùm beo, khỉ, sấu… Prei Norkor dùng làm nơi đồn trú của Phó Vương Cao Miên (một cái gai trong mắt Chánh Vương).

Việt Sử Trần Trọng Kim nói:

"Năm Mậu Tuất (1658), vua nước Chân Lạp mất, chú cháu tranh nhau, sang cầu cứu bên chúa Nguyễn, chúa Nguyễn bấy giờ là chúa Hiền sai quan đem ba ngàn quân sang đánh ở Mỗi Xuy (nay thuộc Phúc Chánh, Biên Hoà) bắt được vua là Nặc Ông Chân đem về giam ở Quảng Bình một độ, rồi tha cho về nước, bắt phải triều cống và phải bênh vực người An Nam sang làm ăn ở bên ấy.

"Năm Giáp Dần (1674), nước Chân Lạp có người Nặc Ông Đài đi cầu viện nước Xiêm La để đánh Nặc Ông Nộn.

"Nặc Ông Nộn bỏ chạy sang cầu cứu ở dinh Thái Khang (nay là Khánh Hoà). Chúa Hiền bèn sai cai cơ đạo Nha Trang là Nguyễn Dương Lâm cùng với Nguyễn Đình Phái làm tham mưu đem binh chia ra làm hai đạo sang đánh Nặc Ông Đài, phá được đồn Sài Gòn rồi tiến quân lên vây thành Nam Vang. Nặc Ông Đài phải bỏ thành chạy vào chết ở trong rừng. Nặc Ông Thu ra hàng. Nặc Ông Thu chính là dòng con trưởng nên lại lập làm chánh quốc vương đóng ở Long Úc, để Nặc Ông Nộn đóng ở Sài Gòn, bắt hàng năm phải triều cống.

“Năm Mậu Thìn (1688), Hoàng Tiến giết Dương Ngạn Địch, rồi đem chúng đóng đồn ở Nam Khê, làm tàu, đúc súng để chống nhau với người Chân Lạp. Vua Chân Lạp là Nặc Ông Thu cũng đào hào đắp luỹ làm kế cố thủ và bỏ không chịu thần phục chúa Nguyễn nữa.

“Bấy giờ chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Trăn sai quan đem quân đi đánh dẹp, dùng mưu giết được Hoàng Tiến và bắt vua Chân Lạp phải theo lệ triều cống.

Năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Chu sai ông Nguyễn Hữu Kính làm kinh lược đất Chân Lạp, chia đất Đông Phố (Giản Phố) ra làm dinh, làm huyện, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long và xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình.Đặt Trấn Biên dinh (tức Biên Hoà) và Phiên Trấn dinh (tức Gia Định) sai quan vào cai trị. Lại chiêu mộ những kẻ lưu dân từ Quảng Bình trở vào để lập ra thôn xã và khai khẩn ruộng đất. Còn những người Tàu ở đất Trấn Biên (Biên Hoà) thì lập làm xã Thanh Hà: những người ở đất Phiên Trấn (Gia Định) thì lập làm xã Minh Hương. Những người ấy đều thuộc về sổ bộ nước ta”.

(Việt Nam Sử lược, Trần Trọng Kim, trương 329-330).

2. Từ năm 1753 đến năm 1780.

Xin kể lại những năm oanh liệt nhất để đánh dấu những kỳ công của tổ tiên ta:

Năm 1753, vua Chân Lạp Nặc Ông Nguyên lấn hiếp người Côn Man ở trong Nam, triều đình Huế bèn cử ông Nguyễn Cư Trinh làm quan tham mưu lo việc đánh dẹp. Ba phen thắng giặc, Cư Trinh bèn hiến kế “tàm thực” làm cho mười năm sau hoàn thành cuộc mở mang: Thuỷ Chân Lạp hoàn toàn về tay chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Bấy giờ miền rừng sác hoang vu, cực nam là vùng Lòi Lạp (Gò Công), Tầm Bôn (Tân An) và vùng các cửa sông Cửu Long (Ba Thắc tức vùng Sóc Trăng, Bạc Liêu) và Trà Vang (Trà Vinh, Bến Tre), còn thuộc Chân Lạp.

Đồng thời với việc thôn tính nước Chiêm (1611-1692), chúa Nguyễn đã tiến lần xuống miền Đồng Nai phì nhiêu. Hơn một thế kỷ (1623-1739), do việc giành ngôi lẫn nhau của các vua Miên mà chúa Nguyễn lần hồi thâu phục dân Việt dần dần mở mang các đất đai: Mô Xoài (Bà Rịa, Biên Hoà) (1658), Sài Gòn (Gia Định) (1698), Định Tường (Mỹ Tho) và Long Hồ (Vĩnh Long) (1731). Phía vịnh Xiêm La, MẠC CỬU dâng đất Hà Tiên và hòn Phú Quốc cho chúa Nguyễn từ năm 1741, sau đó con là MẠC THIÊN TỨ mở thêm bốn huyện (1739): Long Xuyên (miền Cà Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (miền Cần Thơ) và Trấn Di (miền bắc Bạc Liêu).

Đến triều Võ Vương, vua Chân Lạp Nặc Ông Thu (Sthea) nhờ chúa Nguyễn mà giữ ngôi báu ở La Bích (Lovek) (1736 – 1748). Sau Nặc Ông Thâm (Thomae), chú của Tha, thua chạy trốn bên Xiêm từ năm 1715, lại trở về đánh đuổi Nặc Ông Tha và cướp ngôi (1748) song chẳng bao lâu thì mất.

Mấy người con của Thâm tranh ngôi. Võ Vương sai Nguyễn Hữu Doãn làm thống suất đánh dẹp và lập Nặc Ông Tha làm vua trở lại. Được vài tháng, Tha bị con của Thâm là Nặc Nguyên (Ang Snguôn) đen quân Xiêm đánh đuổi (1750). Tha thua, chạy sang Gia Định cầu cứu nhưng chết ở đấy.

Nặc Nguyên tranh được ngôi vua lại thường đem binh lấn hiếp người Côn Man là tàn tích dân Chiêm sang trú ngụ từ năm 1693.

Về phía Bắc, Nặc Nguyên lại thông sứ với Chúa Trịnh Doanh (1740-1767) để lập mưu đánh Chúa Nguyễn quyết giành lại Thuỷ Chân Lạp.

Mùa đông năm Quý Dậu (1753), Võ Vương sai ông Thiện Chính (khuyết tên) làm thống suất và ông Nguyễn Cư Trinh, ký lục Bố Chánh Dinh làm quan tham mưu, điều khiển tướng sĩ năm dinh đi đánh giặc Nguyên. Quân tiến đến Ngưu Chử (Bến Nghé), lập dinh trại, kén sĩ tốt, trừ bị thêm nhiều, để làm kế khai thác.

Mùa hạ năm Giáp Tuất (1754), ông Cư Trinh với ông Thống suất chia quân tiến lên. Oâng Cư Trinh đi đến đâu, giặc quy phục đến đó; đi qua đất Tần Lê (?) ra đến Sông Lớn cùng hội quân với ông Thiện Chính ở đồn Lôi Lạp (Soi Rạp: Gò Công), phủ Tầm Bôn (Tân An), phủ Cầu Nam (Ba Nam), phủ Nam Vinh (Nam Vang: Phnôm Pênh), bốn phủ hàng cả. Rồi chiêu phục người Côn Man để làm thanh thế.

Nặc Nguyên chạy trốn gần Vĩnh Long; gặp mùa nước nổi, phải ngưng đánh phá.

Mùa xuân năm Ất Hợi (1755), ông Thống suất về đồn Mỹ Tho, dẫn theo hơn vạn người Côn Man mới chiêu phục. Đến đất Vô Tà Ân (có lẽ là vùng Đồng Tháp Mười) bị quân của Nặc Nguyên đổ ra đánh úp. Quân của thống suất đi tập hậu bị mắc bụi rậm vũng lầy, không thể đến cứu viện. Ông Nguyễn Cư Trinh mới đem quân của ông đến cứu thoát hơn năm người Côn Man, vừa trai vừa gái, rồi đem về trú ở núi Bà Dinh (Bà Đen).

Nhân ông Cư Trinh hạch tấu ông Thiện Chính về tội để mất cơ nghi mà bỏ dân mới phục hàng, vua giáng ông ấy xuống chức cai đội, cho ông Trương Phúc Du thay thế.

Ông Cư Trinh với ông Phúc Du và người Côn Man đi tiên phong đến đánh hai phủ Cầu Nam và Nam Vinh.

Nặc Nguyên thua, chạy trốn sang Hà Tiên nương theo Mạc Thiên Tứ, nhờ Tứ xin hộ với Chúa Nguyễn, hiến hai phủ Tân Bôn, Lôi Lạp để chuộc tội, và bổ vào lệ triều cống đã bỏ ba năm về trước, cùng để xin cho về nước.

Vua không cho. Ông Cư Trinh mới dâng sớ tâu rằng:

"Từ xưa, sở dĩ dùng đến binh, chẳng qua là muốn giết đứa cừ khôi, mở mang bờ cõi mà thôi. Nay Nặc Nguyên đã hối quá, biết nộp đất hiến của. Nếu không cho y hàng, thì y chạy trốn; mà từ Gia Định đến La Bích, đường sá xa xôi, không tiện đuổi đánh. Vậy muốn mở mang bờ cõi, chi bằng hãy lấy hai phủ ấy, giữ chặt phía sau cho hai dinh (Phiên Trấn và Trấn Biên). Năm xưa, đi mở phủ Gia Định, trước phải mở phủ Hưng Phúc (Biên Hoà), rồi mới mở đến phủ Lộc Dã (Đồng Nai) để quân dân đoàn tụ, rồi mới mở đất Sài Côn. Đó là cái kế "tằm ăn dâu" đó.

Nay từ Hưng Phúc đến Sài Côn đường đi chỉ hai ngày, mà dân cư còn chưa yên tập, quân giữ cũng có đứa chưa khỏe; phương chi từ Sài Côn đến Tầm Bôn, đường đi trong sáu ngày, thú binh trụ phòng, thực sợ chưa đủ.

Thần thấy rợ Côn Man đánh đường bộ rất tài, quân Chân Lạp cũng đã chột dạ. Nếu cho rợ Côn Man ở đấy, sai nó ngăng chống, lấy mọi đánh rợ, cũng là kế hay. Vậy nên xin cho nước Chân Lạp chuộc tội, lấy hai phủ ấy, cho thần xem xét tình thế, đặt luỹ đóng quân, cấp điền sản cho quân dân, chia địa giới, lấy châu Định Viễn để thâu cả toàn bức".

(Rút trong quyển "Nguyễn Cư Trinh với quyển Sãi Vãi" của hai ông Lê Ngọc Trụ và Phạm Văn Luật).

Vua theo lời tâu, nhận lấy hai phủ (1756) và cho Nặc Nguyên về nước.

Năm Đinh Sửu (1757), Nặc Nguyên chết, chú họ là Nặc Nhuận (Neac Ang Nhuan) làm giám đốc, xin hiến đất Trà Vang (Trà Vinh, Bến Tre) và Ba Thắc (Sóc Trăng, Bạc Liêu) để cầu được chúa Võ Vương phong làm Vua. Song không lâu, Nhuận bị rể là Nặc Hinh nổi loạn giết chết cướp ngôi (1758).

Cháu của Nặc Nhuận là Nặc Tôn, con của Nặc Nguyên, chạy sang Hà Tiên cầu cứu với Mạc Thiên Tứ, Thiên Tứ dâng sớ tâu qua các việc và xin phong Nặc Tôn làm vua Chân Lạp. Võ Vương thuận cho, sai tướng Ngũ dinh tại Gia Định hợp với Thiên Tứ lo việc ấy. Trương Phúc Du đem binh đánh dẹp, Nặc Hinh thua chạy, bị kẻ thuộc hạ giết. Hoàng tử Nặc Non cùng hoàng gia chạy trốn bên Xiêm.

Nặc Tôn được Mạc Thiên Tứ đưa về nước lập làm vua, và được Võ Vương sắc phong chức Phiên Vương.

Để tạ ơn Võ Vương, Nặc Tôn hiến đất Tầm Phong Long (Châu Đốc và Sa Đéc) (1759). Rồi cắt năm phủ: Hương Úc (Kompong Som), Cần Bột (Kampot), Sài Mạt (Cheal Meas), Chưng Rừm, Linh Quỳnh (vùng

duyên hải từ Sré Ambel đến Peam) để riêng tạ ơn Thiên Tứ. Mạc Thiên Tứ đều dâng cả cho chúa Nguyễn. Võ Vương bèn dạy sát nhập vào trấn Hà Tiên.

Thế là vừa trọn một thế kỷ (1658 – 1759), Thuỷ Chân Lạp hoàn toàn thuộc về Việt Nam.

(Tài liệu mượn trong quyển "Nguyễn Cư Trinh" với quyển "Sãi Vãi" của hai ông Lê Ngọc Trụ và Phạm Văn Luật, trang 45-49).

Đoạn trên kể lại công ngiệp khai mở bờ cõi của một vị tướng văn võ toàn tài là ông Nguyễn Cư Trinh. Cư Trinh lại rất có công về cuộc phòng thủ lâu dài.

Ông giỏi phương pháp "dĩ địch chế địch" nên đặt người Côn Man thủ Tây Ninh và Hồng Ngự (Châu Đốc), nay hai chỗ này còn di tích người Chàm. Chính ông Cư Trinh xin dời dinh Long Hồ lên xứ Tầm Bào, cũng thuộc tỉnh lỵ Vĩnh Long.

Về mặt thuỷ đạo, ông sai lập đồn hai bên sông Cửu Long gần biên giới:

- Tân Châu đạo (Cù Lao Giêng) ở Tiền Giang.

- Châu Đốc đạo ở Hậu Giang.
- Thêm lập Đông Khẩu đạo , ở xứ Sa Đéc, để làm hậu thuẫn.

Các đạo ấy dùng binh ở Long Hồ dinh để trấn áp, giữ mặt vịnh Xiêm La, phòng Xiêm làm hỗn, Cư Trinh và Thiên Tứ đặt ra Kiên Giang đạo ở Rạch Giá và Long Xuyên đạo ở vùng Cà Mau.

Ông Cư Trinh lại rất giàu sáng kiến. Ông lo tổ chức sự an ninh vùng đất mới, đảm bảo sự thông thương buôn bán trên vùng rạch hồ. Như thuở ấy, khúc sông Gia Định còn nhiều chỗ xưng bá, thuyền cướp tụ tập phá khuấy ghe thương hồ (ngày trước còn để lại tàn tích "bối Ba Cụm" thuộc vùng Bình Điền, Tân Bửu, v.v…), Cư Trinh bày ra lệ bắt thuyền các Hạt, bất luận lớn nhỏ, trước mũi phải khắc tên họ, quê quán, chủ thuyền và ghi bộ quan sở tại để tiện tra xét.

Nguyễn Cư Trinh còn là một văn nhơn tài tử, ông thường ngâm vịnh, sang Phương Thành (Hà Tiên) nhập Chiêu Anh Các xướng hoạ cùng Mạc Thiên Tứ. Hai người rất là tương đắc, Thiên Tứ có ra mười bài"Hà Tiên thập cảnh vịnh " (nay còn truyền tụng). Cư Trinh có hoạ đủ mười bài.

Kể lại trong Nam, đời ấy công nghiệp lớn nhất có hai ông:Nguyễn Cư Trinh vàMạc Thiên Tứ. Ông trước cầm binh ra trận, thi phú tài tình; Ông sau giỏi ngón ngoại giao và văn chương tao nhã. Cả hai mở rộng bờ cõi Miền Nam cho chúng ta được hưởng ngày rày.

Đồng thời tại Gia Định, trong nhóm người Minh Hương, có ba ông:Trịnh Hoài Đức ,Ngô Nhơn Tịnh vàLê Quang Định đều là những bực công thần có công xây dựng cõi Nam, đua nhau nâng cao nền văn hiến Việt và tận tâm giúp chúa Nguyễn thâu lại cơ nghiệp tổ tiên thống nhất giang san. Hà Tiên có Chiêu Anh Các , Gia Định cóThi hữu tam gia không kém.

Năm 1780, Mạc Thiên Tứ từ trần, không con nối hậu. Đất Hà Tiên từ đây sát nhập cơ đồ Nguyễn Chúa:

CUỘC MỞ MANG BỜ CÕI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM ĐẾN ĐÂY, KỂ NHƯ ĐÃ HOÀN THÀNH.

Vương Hồng Sển

Nguồn: Sài Gòn Năm Xưa - Vương Hồng Sển.

https://www.namkyluctinh.org